

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé

2. Ông Võ Tấn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Sỹ T, sinh năm 1980, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T.

Địa điểm kinh doanh: Số B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số C, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1982.

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

(Ông T, bà N có mặt, ông T1, bà T2, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Đức T1 có mua thức ăn gia súc và gạo tại đại lý T3 do ông T là chủ hộ kinh doanh. Quá trình mua bán bà T2 và ông T1 còn nợ ông T số tiền 91.048.000 đồng.

Năm 2024, ông T nộp đơn khởi kiện bà T2 và ông T1 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, các bên có thỏa thuận bị đơn sẽ thanh toán nợ cho nguyên đơn thành 02 lần, lần 1 ngày 03/9/2024 trả số tiền 20.000.000 đồng và lần 2 ngày 03/12/2024 trả số tiền 71.048.000 đồng và nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, ông T1 và bà T2 chỉ thanh toán cho ông T được số tiền 9.000.000 đồng thì ngưng không trả như thỏa thuận, sau đó ông T1 mua thêm thức ăn và nợ ông T thêm số tiền 5.394.000 đồng.

Ông T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Đức T1 phải liên đới thanh toán cho ông T số tiền vốn mua bán còn nợ là 82.048.000 đồng, và yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 5.394.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Vũ Sỹ T yêu cầu bà T2 thanh toán số tiền 71.048.000 đồng và yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 5.394.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Đức T1 là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 05/5/2025 và biên bản đối chất ngày 05/5/2025:

Quá trình chăn nuôi heo, ông có mua thức ăn tại cửa hàng T4 của ông Vũ Sỹ T và còn nợ ông T số tiền 82.048.000 đồng.

Năm 2024, ông T nộp đơn khởi kiện ông và mẹ ông tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh) các bên có thỏa thuận bị đơn sẽ thanh toán nợ cho nguyên đơn thành 02 lần, lần 1 ngày 03/9/2024 trả số tiền 20.000.000 đồng và lần 2 ngày 03/12/2024 trả số tiền 71.048.000 đồng và nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn ông chỉ thanh toán được số tiền 9.000.000 đồng, trước yêu cầu khởi kiện của ông T, ông xin cho thời hạn 03 tháng ông sẽ thanh toán hoàn tất số tiền 82.048.000 đồng cho ông T.

Đối với số tiền 5.394.000 đồng, là số nợ riêng của ông đối với ông T.

Nay ông đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 87.442.000 đồng trong thời hạn 05 tháng.

Bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Ông Nguyễn Đức H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 thừa nhận ông và bà T2 có nợ ông T, chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 82.048.000 đồng và số tiền 5.394.000 đồng (nợ riêng của ông), ông xin trả trong thời hạn 05 tháng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Vũ Sỹ T yêu cầu bà T2 thanh toán số tiền 71.048.000 đồng và yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 5.394.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Vũ Sỹ T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 và bà T2 cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh) thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông T1, bà T2, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 thanh toán số tiền vốn mua bán còn nợ là 71.048.000 đồng và yêu cầu ông Nguyễn Đức T1 thanh toán số tiền 5.394.000 đồng, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 thừa nhận ông và bà T2 có mua thức ăn gia súc và gạo tại đại lý T3 do ông T là chủ hộ kinh doanh và còn nợ số

tiền 82.048.000 đồng và số tiền 5.394.000 đồng (nợ riêng của ông), ông xin trả hoàn tất số tiền 87.442.000 đồng trong thời hạn 05 tháng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

[2.2] Đối với bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Đức H mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông bà đều vắng mặt không đến để Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; điều này thể hiện việc ông, bà đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình.

[2.3] Xét, biên bản thỏa thuận ngày 03/7/2024 (bút lục 17), nội dung đôi chất ngày 05/5/2025 cũng như tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà T2 thanh toán số tiền mua bán còn nợ là 71.048.000 đồng và buộc ông T1 thanh toán số tiền mua bán còn nợ là 5.394.000 đồng theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định ($71.048.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.552.400 \text{ đồng}$). Mặc dù, bà T2 được miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng bà T2 không có đơn xin miễn án phí vì vậy bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.552.400 đồng. Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của ông Vũ Sỹ T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T đối với ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Sỹ T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T số tiền vốn mua bán là 71.048.000 (bảy mươi một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Đức T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Sỹ T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T số tiền vốn mua bán là 5.394.000 (năm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.552.400 đồng.

Ông Nguyễn Đức T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Ông Vũ Sỹ T, Chủ hộ kinh doanh Vũ Sỹ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.186.100 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010823 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, ppquyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS ND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt